TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC TÂN UYÊN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 25/3/2022
V/v"Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bồ Quốc Khánh;

2. Ông Đoàn Văn Lước.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Ngô Thị An -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa*:** Ông Trương Anh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 31/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2022về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1994. Địa chỉ: Khu phố X, phường V, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện B, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09/02/2022 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim N có đơn xin vắng mặt, trình bày:

Ông T và bà N tự tìm hiểu nhau, được cha mẹ hai bên đồng ý, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện B, tỉnh Bình Dương vào ngày 07/6/2019.

Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc, quan tâm, chăm sóc cho nhau. Khoảng vài năm gần đây, vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau về nhiều vấn đề trong cuộc sống. Đến nay, tình

cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn càng ngày nghiêm trọng, không thể hàn gắn lại với nhau nên bà N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T.

Về con chung và mức cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Yến N1, sinh ngày 13/02/2021. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, bà N có yêu cầu tự nguyện giao con chung Nguyễn Ngọc Yến N1, sinh ngày 13/02/2021 cho ông T được trực tiếp nuôi dưỡng, bà N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Nguyễn Thành T- có đơn xin vắng mặt, trình bày:

Ông T thống nhất lời khai của bà N về thời gian kết hôn và chung sống, về mâu thuẫn thì vợ chồng sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên có lời qua tiếng lại về nhiều vấn đề trong cuộc sống. Đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn càng ngày nghiêm trọng, không thể hàn gắn lại với nhau nên bà N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, ông T đồng ý.

Về con chung và mức cấp dưỡng nuôi con: Ông T và bà N chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Yến N1, sinh ngày 13/02/2021. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, bà N tự nguyện giao con chung Nguyễn Ngọc Yến N1, sinh ngày 13/02/2021 cho ông T được trực tiếp nuôi dưỡng, bà N không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông T đồng ý.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật. Vụ án được xét xử trong thời hạn luật định. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, nguyên đơn, bị đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn và thỏa thuận nuôi con của nguyên đơn và bị đơn. Viện Kiểm sát không kiến nghị khắc phục gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào ý kiến phát biểu của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Thành T hiện đang cư trú tại xã M, huyện B nên Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim N, bị đơn ông Nguyễn Thành T đã có đơn xin giải quyết vắng mặt; căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự- Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim N với ông Nguyễn Thành T sống chung có đăng ký kết hôn tại xã M vào ngày 07/6/2019 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp và một hoặc cả hai người đều có quyền yêu cầu Tòa án giải

quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về mâu thuẫn vợ chồng: Theo bà N khai, vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn trong thời gian chung sống từ năm 2020 nguyên nhân do ông T không lo làm ăn, vợ chồng lời qua tiếng lại nhiều lần, ông T không lo cho kinh tế của gia đình, bà N khai ông T nhiều lần có lời lẽ xúc phạm bà N, mâu thuẫn ngày càng gay gắt, trầm trọng nên năm 2021, bà N đã bỏ đi sống riêng. Bà N cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông T để được tự do làm ăn, sinh sống.

Ông Trung đồng ý ly hôn vì cho rằng mâu thuẫn không thể hàn gắn, tiếp tục sống chung.

[5] Qua thẩm tra, đánh giá lời khai và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Kim N và ông Nguyễn Thành T đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà N không mong muốn trở về đoàn tụ để tiếp tục sống chung với ông T, ông T cũng đồng ý ly hôn. Xét tình cảm vợ chồng phải xuất phát từ hai bên nhưng bà N thật sự cương quyết xin ly hôn, ông T đồng ý nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim N về việc ly hôn với ông Nguyễn Thành T là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về con chung và mức cấp dưỡng nuôi con: Ông T và bà N chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Yến N1, sinh ngày 13/02/2021. Khi ly hôn, bà N tự nguyện giao con chung Nguyễn Ngọc Yến N1, sinh ngày 13/02/2021 cho ông T được trực tiếp nuôi dưỡng, bà N không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông T đồng ý. Căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình về nguyên tắc con dưới 36 tháng tuổi phải giao cho bà N nuôi dưỡng nhưng theo yêu cầu của bà N, điều kiện kinh tế ông T ổn định hơn nên bà tự nguyện giao cho ông T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Xét đây là sự thỏa thuận tự nguyện của các đương sự, không trái pháp luật cũng như đạo đức xã hội nên chấp nhận yêu cầu của bà N. Bà N không phải cấp dưỡng nuôi con.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên Tòa án xem xét, giải quyết.

[8] Lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sátvề quan điểm giải quyết vụ án tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ nên chấp nhận.

[9] Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim N phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83, 84của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụngNghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim N đối với ông Nguyễn Thành T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim N được ly hôn với ông Nguyễn Thành T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Yến N1, sinh ngày 13/02/2021 cho ông Nguyễn Thành T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục bà Nguyễn Thị Kim N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị Kim N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai có quyền cản trở. Trường hợp bà N lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông Nguyễn Thành T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà N.

Vì quyền và lợi ích về mọi mặt của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi một hoặc cả hai đương sự có yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0009901 ngày 15/02/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bắc Tân Uyên.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên;
- CCTHADS huyện Bắc Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mạnh Hùng